

Số: 481/2026/QĐST - HNGĐ

Ninh Bình, ngày 03 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 435/2026/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị T**, sinh ngày 08-5-1986; số căn cước: 036186019388; nơi đăng ký thường trú: **Tổ dân phố A, phường T, tỉnh Ninh Bình**; nơi ở hiện nay: **Thôn H, xã H, tỉnh Ninh Bình**;

- Bị đơn: Anh **Vũ Đình S**, sinh ngày 16-8-1986; số căn cước công dân: 036086008708; nơi cư trú: **Tổ dân phố A, phường T, tỉnh Ninh Bình**.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 8 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 8 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Phạm Thị T** và anh **Vũ Đình S**.
- Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Về quan hệ hôn nhân: Chị **Phạm Thị T** và anh **Vũ Đình S** thống nhất thuận tình ly hôn.
 - Về nuôi con:
 - Giao các cháu **Vũ Thị Khánh L**, sinh ngày 02-3-2017, giới tính Nữ và cháu **Vũ Đình A**, sinh ngày 25-4-2018, giới tính N cho chị **Phạm Thị T** trực tiếp

nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi và lao động, tự lập được. Anh **Vũ Đình S** có nghĩa vụ giao 02 con lại cho chị **T** nuôi dưỡng.

+ Giao cháu **Vũ Đình M**, sinh ngày 25-7-2015, giới tính **N** cho anh **Vũ Đình S** trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu **M** đủ 18 tuổi và lao động, tự lập được.

Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng và các nội dung khác liên quan: Chị **Phạm Thị T** và anh **Vũ Đình S** không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về án phí ly hôn: Chị **Phạm Thị T** tự nguyện nộp 150.000 đồng (Cả phần án phí của anh **S**). Số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị **T** đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000736 ngày 07-8-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình được đối trừ; chị **T** được trả lại số tiền tạm ứng án phí còn lại là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự năm 2025 thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 luật thi hành án dân sự năm 2025./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND Khu vực 7 - Ninh Bình;
- Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;
- UBND phường Thành Nam, tỉnh Ninh Bình;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

THẨM PHÁN

Trần Thị Hải Ninh